557/12

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. **APPLICANT IN VIETNAM** Luu (Last) Minh (Middle) Anh (First)

Current Address: Ap 8, Lộc Thang, Lộc Ninh, Sông Bé - Viet Nam

Date of Birth: october, 10th, 1940 **Place of Birth:** Đồng Hưng Thuận GIA ĐỊNH

Previous Occupation (before 1975) Interpreter - Second Lieutenant
(Rank & Position)

2. **TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP** **Dates: From** 1975 **To** 1978

Years: 3 **Months:** _____ **Days:** _____

3. **SPONSOR'S NAME:** _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. **NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.**

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 30. 12. 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Luu Minh Anh .
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGUYÊN THI TY	22.02.1953	Sponse
2 LUU NGUYÊN MINH TRI	13.07.1982	Son
3 LUU NGUYÊN MINH TRÂN	17.06.1983	Daughter
4. LUU NGUYÊN MINH TRUNG	16.03.1987	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HOANG VAN PHAT (my friend) 7 Place de Forest (apt 01)

10.000 Troyes FRANCE

ADDITIONAL INFORMATION :

The release certificate was lost when I tried to escape by boat for leaving outside Vietnam. However I still remember it was numbered 250/4-16 issued on April 1978 by 3rd Division, Martitial Law bureau, Ministry of Defense of Socialist Republic Vietnam according to 131 Decision order of Interior Ministry.

I was prisoned in the last reeducation camp which named 3136/K1 Song Be (PHUOC LONG)

0575/12

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. **APPLICANT IN VIETNAM** LUU (Last) MINH (Middle) ANH (First)

Current Address: AP 8, LỘC THẮNG, LỘC NINH, SÔNG BE - VIỆT NAM

Date of Birth: October, 10th 1940 **Place of Birth:** ĐỒNG HÚNG THUẬN GIA ĐỊNH

Previous Occupation (before 1975) Interpreter - Second Lieutenant
(Rank & Position)

2. **TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP** **Dates: From** 1975 **To** 1978

Years: 3 **Months:** _____ **Days:** _____

3. **SPONSOR'S NAME:** _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. **NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.**

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 30.12.1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LUU MINH ANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYÊN THI TY	22-02-1953	Spouse
2. LUU NGUYÊN MINH TRI	13-07-1982	Son
3. LUU NGUYÊN MINH TRÂN	17-06-1983	Daughter
4 LUU NGUYÊN MINH TRUNG	16-03-1987	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HOANG VAN PHAT (my friend) 7 Place de Soest
(apt 01) - 10.000 TROYES - FRANCE.

ADDITIONAL INFORMATION :

The release certificate was lost when I tried to escape by boat for leaving outside VietNam. However I still remember it was numbered 253/4-16 issued on April 1978 by 3rd Division, Martial Law Bureau, Ministry of Defense of Socialist Republic VietNam according to 131 Decision order of Interior Ministry.

I was prisoned in the last re-education which named 3136/K1 Long Be (PHUOC LONG)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viet-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

D.6

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH ĐÔNG HƯNG THUẬN

(Extrait du registre des actes de naissance)

GIADINH (NAM-PHẦN) (Sud-Vietnam)

NĂM 1949 (Année) SỐ HIỆU I9 (Acte No)

Je soussigné Lưu bá Mưu
a reconnu le 10-10-1949
à Đông hưng thuận le né
Lưu minh Ánh
est nom propre
enfant et je
déclare sur mon
propre prénom.
Signé : Lưu bá Mưu

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lưu minh Ánh
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 10-10-1949
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Đông hưng thuận
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	/
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	/
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	/
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	La kim Phụng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Commerçante
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đông hưng thuận
Vợ chánh hay thứ (Son rang de mariage)	/

Chúng tôi, BUI ĐINH TUYÊN, được
(Nous)
Chánh-án Toà SAIGON UN.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Mlle TRẦN THỊ CANH
(Mr.)
Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

SAIGON, ngày 6-I2- 1957
TUN-CHÁNH-ÁN,
(THE PRESIDENT),
THẨM PHÁN

Trích y bổn chánh,
(Pour extrait conforme),

SAIGON, ngày 6-I2- 1957
KT. CHÁNH LỤC-SỰ,
(PR. LE GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền : 5$
(Coût)
Biên-lai số : 13.348
(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

Mẫu 149/DP 92/1 S 23
khổ 21×27

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM BÌNH. DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE H/4)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Lộc-Ninh
Tỉnh Bình-Long

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1953 *(Année)* — SỐ HIỆU 32 *(Acte No)*

Tên, họ đứa con nít *(Nom et prénom de l'enfant)*	Nguyễn-thị-Tỵ
Nam, nữ *(Sexe de l'enfant)*	Fille
Sanh ngày nào *(Date de naissance)*	Vingt deux février mil neuf cent Cinquante trois.
Sanh tại chỗ nào *(Lieu de naissance)*	Locninh
Tên, họ cha *(Nom et prénom du père)*	Nguyễn-văn-Mợi
Cha làm nghề gì *(Sa profession)*	Aide surveillant
Nhà cửa ở đâu *(Son domicile)*	Locninh
Tên, họ mẹ *(Nom et prénom de la mère)*	Phạm-thị-Cốt
Mẹ làm nghề gì *(Sa profession)*	Ménagère
Nhà cửa ở đâu *(Son domicile)*	Locninh
Vợ chánh hay thứ *(Son rang si la femme est mariée)*	-----

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương, ngày 8-1-1974
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền : 15$00
(Coût)
Biên-lai số
(Quittance No)

ỦY BAN NHÂN DÂN Xã, Phường Lộc Thắng Huyện, Quận Lộc Ninh Tỉnh, Thành phố Sông Bé	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	Mẫu số HT12/P3 QĐ số Ngày Số 66 Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	Lưu Minh Ảnh	Nguyễn Thị Ty
Bí danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	10 - 10 - 1949	22 - 02 - 1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm rẫy	Thợ may
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Tổ 7 ấp Phú Long xã Long Phú huyện Tam Bình tỉnh Cửu Long	Tổ 11 ấp 8 xã Lộc Thắng Huyện Lộc Ninh Tỉnh Sông Bé
Số giấy chứng minh nhân dân: hoặc hộ chiếu	Xã đoàn 3 số 259 QB/H-16	C.M.N.D số 280006039

Đăng ký ngày 20 tháng 01 năm 1979

Người chồng ký	Người vợ ký	TM. U.B.N.D. Xã Lộc Thắng
Lưu Minh Ảnh	Nguyễn Thị Ty	Chủ tịch
		Phạm Thị Mai

Lưu Minh Ảnh ; Nguyễn Thị Ty

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Lộc-Thắng
Huyện, Quận Lộc-Ninh
Tỉnh, Thành phố Sông-Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 3777
Quyển 02

ĐÃ THI

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu-Nguyễn-Minh-Trân Nam hay Nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bảy, tháng sáu, năm một chín tám ba (17 - 6 - 1983)
Nơi sinh Bệnh viện
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn - thị - Tỵ	Lưu - Minh - Ánh
Tuổi	sanh 1953	sanh 1949
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt - Nam	Việt - Nam
Nghề nghiệp	Thợ may	Làm rẫy
Nơi thường trú	Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Lộc-Ninh, Sông-Bé	Ấp Phú-Long, Sông-Phú Tam-Bình, Tỉnh Cửu-Long

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn-thị-Tỵ, sanh 1953
CMND số : 280006039

Đăng ký ngày 10 tháng 10 năm 1983

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

(đã ký) Nguyễn - Hân

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 10 năm 89
T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Lộc-Thắng
Huyện, Quận Lộc-Ninh
Tỉnh, Thành phố Sông-Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 5082
Quyển 03

SỞ TÀI CHÍNH
LỆ PHÍ CHỨNG NHẬN
100

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu - Nguyễn - Minh - Trung Nam hay Nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười sáu, tháng ba, năm một chín tám bảy. (16 - 3 - 1987)
Nơi sinh Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Lộc-Ninh, Sông-Bé
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn - thị - Tỵ	Lưu - Minh - Ánh
Tuổi	sanh 1953	10 - 10 - 1949
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt - Nam	Việt - Nam
Nghề nghiệp	Thợ may	Giáo viên
Nơi thường trú	Trường PT trung học, Ấp 8 Xã Lộc-Thắng Lộc-Ninh.	Lộc-Ninh.

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Lưu Minh Ánh, sanh 1949
Ấp 8 Xã Lộc Thắng, Huyện Lộc Ninh

Đăng ký ngày 17 tháng 4 năm 19 87

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
P. chủ tịch,
(đã ký) Lương-văn-Tần,

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 10 năm 89
T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, khu phố Lộc Thắng
Huyện Lộc Ninh
THÀNH PHỐ Sông Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

NĂM 1982
Số 6169
Quyển số 02

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Họ tên	Lưu Nguyễn Minh Trí	Nam hay Nữ	Nam
Ngày, tháng năm sinh	13 - 7 - 1982 (Ngày mười ba tháng Bảy năm một Chín tám hai)		
Nơi SINH	tại nhà (Ấp 8, xã Lộc Thắng, Huyện Lộc Ninh)		
PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	NGƯỜI CHA	NGƯỜI MẸ	
Họ, tên, tuổi	Lưu Minh Ánh 1949	Nguyễn thị Tuy 1953	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp, chỗ ở	Làm Rẫy Ấp 8, xã Lộc Thắng	Thợ may Ấp 8, xã Lộc Thắng	
Họ, tên, tuổi, chỗ ở nơi cấp, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai	Lưu Minh Ánh, sanh năm 1949 Chứng minh số cũ thị số 259106		

Người đứng khai
(Đã ký)

Đăng ký ngày 17 tháng 9 năm 1982
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN xã
(Đã ký đóng dấu) PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn anh Đức

Ghi chú :

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 13 tháng 5 năm 1987
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN xã

Trương văn Tâm

(Q)UESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV.________________ Date : MONDAY, OCTOBER 09th 1989.

Fill out this questionnaire in English as Completely as possible. If you can not read or write in English Fill it out Vietnamese.

Mail or send the Completed Questionnaire TO :
THE DIRECTOR OF THE ODP OFFICE.
Mr. BRUCE A. BEARDSLEY
127 PANJABHUM BUILDING
SOUTH ASTHORN, TAI ROAD
BANGKOK 10120 - THAILAND.

A/. BASIC IDENTIFICATION :

1. Full name : LŨU MINH ANH
(surname)(middle) (given name)

2. Other name : none.

3. Date, place of birth : October, 10th 1949
in Dong Hung Thuan (Village), Gia Dinh (Province)

4. Residence Address : Ap 8 (Hamlet) , Loc Thang (Village)
Loc Ninh (Dictrict), Song Be (Province) - VIETNAM.

5. Mailing address : (Send this address. Please. It's Important)
Mr. LŨU MINH ANH
436/31 CMT8 , QUAN BA , HOCHIMINH CITY - VIETNAM

6. Current Occupation : English teacher and Peper gardener.

B/. RELATIVE TO ACCOMPANY :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligble to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widow (W), or single (S).

-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x

	FULL NAME	DATE OF BIRTH	POB	SEX	MS	RELATIONSHIP
1.	NGUYEN TRI TY	FEB 22 1953	Loc Ninh	F	M	Spouse
2.	LŨU NGUYEN MINH TRI	JULY 13 1982	"	M	S	Son
3.	LŨU NGUYEN MINH TRAN	JUNE 17 1983	"	F	S	Daughter
4.	LŨU NGUYEN MINH TRUNG	MARCH 16 1987	"	M	S	Son

-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x-x

NOTE:- For the persons listed abowe, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorces decrees (if divorced) Spousés death certificate (if widowed) indentification cards (if avaiable) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please not their addresses in Section I Below).

C/. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

1.- Closest Relative in the U.S : none

a. Name :

b. Relationship :

c. Address :

d. Date of relatives arrival :

2.- Closest relative in other Foreign Countries : None

a. Name :

b. Relationship :

c. Address :

D/. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD).

1.- Father : LƯU BA MƯU

2.- Mother : LA KIM PHUNG

Address : 436/31 CMT8, QUAN BA , HO CHI MINH CITY.

3.- Spouse : NGUYEN THI TY

4.- Former spouse (If any) : none

5.- Children :

1. LƯU NGUYEN MINH TRI
2. LƯU NGUYEN MINH TRAN
3. LƯU NGUYEN MINH TRUNG

Addres : Ap 8, (H) , Loc Thang (V) , Loc Ninh (D), Song Be (P)

6,- Siblings :

1. LƯU MINH THUY
2. LƯU THI MINH YEN

Address : 436/31 CMT8, QUAN BA , HO CHI MINH CITY.

../3..

E/. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Employment name : LƯU MINH ANH

2. Position titlle : Interpreter

3. Agency / Company / Office : I assigned to the following platoons.

a. 1st Civil Affairs Platoon : was attached to G5, The US 3rd Marines Division, located in Quang Tri Combat base.

b. 8th Civil Affairs platoon : was attached to Quang Tri Province Headquarters, Military assistance Advisory in Vietnam (MACV) team 19, Combined with CORDS .

c. 54th Civil affairs Platoon : Was attached to S5, First Brigade the US 5th Mechanized Infantry Division.

These platoons were belonged to the US 29th Civil affairs Company APO San Francisco 96337, 96349.

d. 339 th Signal Detachement : was belonged to the US 1st Military Intelligence Battalion, the U.S 525th Military Intelligence group APO San Francisco 96308

4.- Length of Employment :

From Dec 1968 to Junne 1972

5.- Name of American Supervisors :

a. 1st Civil Affairs platoon :

- 1 st Lieutenant THOMPSON (Platoon commander)
- 1 st Lieutenant FURNER (Executive officer).

b. 8th Civil affairs platoon : (Located in Quang Tri Province Headquarters) Advised Quang Tri province for the civil Action program and the pacification program.

- Captain	TATE	Platoon commders.
- CPT	DONALD CICATELLO	
- CPT	CLAUDE RAFFIN	
- CPT	JOHN A. BURRIS	

c. 54th civil Affairs platoon : (located in Landing zone NANCY, Quang Tri province). The platoon worked for S-5, 1st Brigade, 5th Mechnized Infantry Division.

CPT FLYNN

d. 339th Signal Detachement : (belong to the U.S 1st Military Intelligence Battalion , 525th Military Intelligence Group).

- CPT WILLIAM J. SWEENY (339th - Signal team leader).
- Warrant officer : BENNET.

6.- Reason for Seperation :

Attended to 1/72 officer training Course for Basic Infantry at THU DUC Infantry officer School .

F/- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : LƯU MINH ANH

2. Dates : From 1972 to April 1975

3. Last rank : second Lieutenant
Military service number : 69/142397

4. Ministry/office/Military Unit.
5th Transportation Company, Army Republic Vietnam (ARVN)5Th Infantry Division. KBC 4031

5. Name of supervisor / CO
CPT NGUYEN VAN DIEN

6. Reason for leaving : April 30 1975 Events .

7. Name of American Advisor ;

8. US Training Courses in Vietnam.
8/68 English language training Course. Trained at the Armed Forces Languages School for Interpreter .

9. US arwards or Certificates :

The recommendation for award of the USA Ar my Commendation Medal for Sergeant First Class LƯU MINH ANH was submitted to AG Personnel, XXIV CORPS on 31 August 1970 By CPT JOHN A. BURRIS and Re. Written CPT SWEENY.

NOTE : Please attach any copies of Diplomas awards for Certificates. If avaiable ? Yes X .

G/- TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Student / Trainee
2. School and School Address :
3. Date . . . . . from . . . . to . . . . . .
4. Description of Courses :
5. Who paid for training.

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available)
yes ____ No _____

H/- RE - EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in Re - education : LDU MINH ANH
2. Total time in Re - education : Yes ____ No _____

If released, we must have a copy of your release certificate)

The release certificate was lost when I tried to escape by boat for leaving outside Vietnam. However I still remember It was numvered 259/4-16 issued on April 1978 by 3rd Division, Maritial Law Bureau, Ministry of Defense of socialist Republic Vietnam according to 131 decision order of Interior Ministry.

I was prisoned in the last re-education camp which named 3136/K1 SONG BE (PHƯỚC LONG).

I/- ANY ADDITIONAL REMARKS :

I have undergone much suffering to my serious life for a long time that. I have not been quite here because I worked for the U.S military units with previous close association and loyal to the South Vietnamese regime. In the hard condition of my situation with many reasons could prevent me to contact directly with representatives of the U.S ODP.

I hope to believe that the US goverment and the US policy never forget the servicemen who fight for freedom ideal and anti Communist, still stay in Vietnam.

../6...

Monday, October 09th 1989.

Luu Minh Anh

LƯU MINH ANH

Former 2 LT Interpreter and Prisomer.

J/- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- A copy of the birth certifisate and photo of each person.
- A copy of the marriage certificate.
- A copy of mine pre-1975 Vietnamese ID card
- And other concerned documents.

ARVN INTERPRETER ID CARD

SFC (TSI) LUU-MINH-ANH

2. S/N 69/142397

3. UNIT Don-vi 339th Sig Det - Khoi Lien-lac/QK1

4. POSITION Chuc-vu Interpreter/Thong-dich-vien

5. EXPIRATION DATE Ngay hat-hieu-luc 30 June 1972

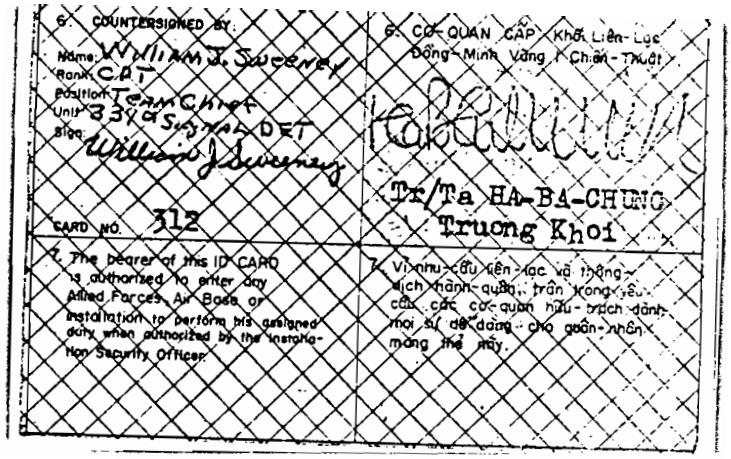

6. COUNTERSIGNED BY:

Name: William J. Sweeney
Rank: CPT
Position: Team Chief
Unit: 334 Signal DET
Sign: William J. Sweeney

CARD NO. 312

7. The bearer of this ID CARD is authorized to enter any Allied Forces, Air Base or installation to perform his assigned duty when authorized by the Installation Security Officer.

6. CƠ-QUAN CẤP Khối Liên-Lạc Đồng-Minh Vùng I Chiến-Thuật

Tr/Ta HA-BA-CHUNG
Truong Khoi

7. Vì nhu-cầu liên-lạc và thông-dịch hành-quân, trân trọng yêu-cầu các cơ-quan hữu-trách dành mọi sự dễ dàng cho quân-nhân mang thẻ này.

ID CARD No. 456

CHUNG MINH THU

1. Trung-Si LUU-MINH-ANH

2. SN 69/1L2397
SQ

3. UNIT 29th Civ Affairs Co/KLLDM/VI CT
Don-vi Tai doi 29 Dan-su-vu

4. POSITION Interpreter - Thong-Dich-Vien
Chuc-vu

5. EXPIRATION DATE 31 Dec 1969
Ngay het hieu-luc

6. ISSUED BY

THOMAS N. LYNCH
29th Civil Affairs
Company
APO 96337

6. CƠ-QUAN CẤP: Khối Liên-Lạc
Đồng-Minh Vùng I Chiến-Thuật

7. In accordance with Force Order #5512.8A the bearer of this ID CARD is authorized to enter any USMC and Allied Forces Air Base or installation at any time of day or night.

7. Vì nhu-cầu liên-lạc và thông-tích hành-quân, trân trọng yêu cầu các cơ-quan hữu-trách dân mọi sự tiện cho quân-nhân mang thẻ này.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: 305.199

Họ và Tên: LƯU - MINH - ANH

Cấp bậc: Thiếu-Úy

Số quân: 69/142.393

Đơn vị: Đại-Đội 5 Vận-Tải

[illegible] ngày 01-10-1974

[illegible]

Q. Đại-đội trưởng Đại Đội 5 Vận Tải

VẬN-TẢI

MẪU 01.10.74 QĐ.750 G/III

08.74.TTALAP.Q.274

[illegible] 01.10.72)

Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
01-[illegible]-75			

Dấu tay ngón trỏ

TRÁI

PHẢI

Ngày sinh : 10-10-1949

Nơi sinh : [illegible]

Cha : HỒ-TÁ-HƯU

Mẹ : TẠ-KIM-PHỤNG

Địa-chỉ hiện tại : KBC 4031

Chữ ký đương-sự

[signature]